

Viết số thích hợp vào chỗ chấm : $2\text{dam}^2 = \dots\text{m}^2$ $3\text{dam}^2 \ 5\text{m}^2 = \dots\text{m}^2$ $3\text{m}^2 = \dots \text{dam}^2$	Ta có $1 \text{dam}^2 = 100\text{m}^2$ Vậy $2 \text{dam}^2 = 200\text{m}^2$ $3 \text{dam}^2 \ 15\text{m}^2 = \dots\text{m}^2$ Ta có $3\text{dam}^2 = 300\text{m}^2$ Vậy $3\text{dam}^2 \ 15\text{m}^2 = 300\text{m}^2 + 15\text{m}^2 = 315\text{m}^2$ $3\text{m}^2 = \dots\text{dam}^2$ Ta có $100\text{m}^2 = 1\text{dam}^2$ $1\text{m}^2 = \frac{1}{100} \text{dam}^2$ Suy ra $3\text{m}^2 = 3/100 \text{dam}^2$
- GV yêu cầu HS tiếp tục làm các phần còn lại của bài. - GV chữa bài của HS trên bảng lớp, sau đó nhận xét và HS.	- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả - HS nghe
4. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)	
- Cho HS vận dụng làm các câu sau: $5 \text{dam}^2 = \dots\text{m}^2$ $3 \text{hm}^2 = \dots\text{m}^2$ $2 \text{km}^2 = \dots\text{hm}^2$ $4 \text{cm}^2 = \dots\text{mm}^2$	- HS làm bài $5 \text{dam}^2 = 500 \text{m}^2$ $3 \text{hm}^2 = 30 \ 000 \text{m}^2$ $2 \text{km}^2 = 200 \text{hm}^2$ $4 \text{cm}^2 = 400 \text{mm}^2$

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Luyện từ và câu
TỪ ĐỒNG ÂM

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** Hiểu thế nào là từ đồng âm (ND ghi nhớ).

2. **Kĩ năng:** Biết phân biệt nghĩa của từ đồng âm (BT1, mục III); đặt được câu để phân biệt các từ đồng âm (2 trong số 3 từ ở BT2); bước đầu hiểu tác dụng của từ đồng âm qua mẫu chuyện vui và các câu đố.

3. **Thái độ:** Thích tìm từ đồng âm.

4. **Năng lực:**

- **Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.**

- **Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.**

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: SGK, vở Luyện từ và câu.

- HS: SGK, vở...

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thảo luận nhóm...

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kỹ thuật trình bày một phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(3 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS thi đọc đoạn văn miêu tả về thanh bình của nông thôn đã làm ở tiết trước. - GV nhận xét - Giới thiệu bài: nêu mục đích yêu cầu của tiết học 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thi đọc - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)	
<p>* <i>Mục tiêu:</i> Hiểu thế nào là từ đồng âm (ND ghi nhớ).</p> <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: HD cả lớp Viết bảng câu: Ông ngồi câu cá Đoạn văn này có 5 câu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em có nhận xét gì về hai câu văn trên? - Nghĩa của từng câu trên là gì? Em hãy chọn lời giải thích đúng ở bài tập 2 - Hãy nêu nhận xét của em về nghĩa và cách phát âm các từ <i>câu</i> trên <p>- <i>KL: Những từ phát âm hoàn toàn giống nhau song có nghĩa khác nhau được gọi là từ đồng âm.</i></p> <p>+ Ghi nhớ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc ghi nhớ 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc câu văn + Hai câu văn trên đều là 2 câu kể. mỗi câu có 1 từ <i>câu</i> nhưng nghĩa của chúng khác nhau + Từ <i>câu</i> trong Ông ngồi câu cá là bắt cá tôm bằng móc sắt nhỏ buộc ở 2 đầu dây. + Từ <i>câu</i> trong Đoạn văn này có 5 câu là đơn vị của lời nói diễn đạt một ý trọn vẹn, trên văn bản được mở đầu bằng một chữ cái viết hoa và kết thúc bằng một dấu ngắt câu. + Hai từ <i>câu</i> có phát âm giống nhau nhưng có nghĩa khác nhau. - 2 HS đọc ghi nhớ
3. Hoạt động thực hành:(15 phút)	
<p>* <i>Mục tiêu:</i> Biết phân biệt nghĩa của từ đồng âm (BT1, mục III); đặt được câu để phân biệt các từ đồng âm (2 trong số 3 từ ở BT2); bước đầu hiểu tác dụng của từ đồng âm qua mẫu chuyện vui và các câu đố.</p> <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: HD cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Tổ chức HS làm việc theo cặp - Nhận xét, kết luận 	<ul style="list-style-type: none"> - 1em đọc yêu cầu bài - HS trao đổi làm bài, chia sẻ a) Đồng trong cánh đồng: là khoảng đất rộng bằng phẳng dùng để cày cấy trồng trọt. + Đồng trong tượng đồng: là kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi dùng làm dây điện và chế hợp kim.

<p>Bài 2: HD cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài và bài mẫu - Yêu cầu HS tự làm bài - GV nhận xét <p>Bài 3: HD cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu bài tập - Vì sao Nam tưởng ba mình chuyển sang làm việc tại ngân hàng? - GV nhận xét lời giải đúng. <p>Bài 4: HD cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc câu đố - Yêu cầu HS thi giải câu đố nhanh <p>- Trong 2 câu đố trên, người ta có thể nhầm lẫn từ đồng âm nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét khen ngợi HS 	<p>+ Đồng trong 1 nghìn đồng: đơn vị tiền VN.</p> <p>b) c) HS nêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu và mẫu của BT - HS làm vào vở - HS đọc bài của mình <p>+ Bố em mua một bộ bàn ghế rất đẹp. + Họ đang bàn về việc sửa đường. + Nhà cửa ở đây được xây dựng hình bàn cờ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - HS làm bài theo cặp đôi, trả lời câu hỏi <p>+ Vì Nam nhầm lẫn nghĩa của 2 từ đồng âm là tiền tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - tiền tiêu: chi tiêu - tiền tiêu: vị trí quan trọng nơi bố trí canh gác ở phía trước khu vực trú quân hướng về phía địch <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Cả lớp thực hiện <p>a) con chó thui b) cây hoa súng và khẩu súng</p> <ul style="list-style-type: none"> - từ chín trong câu a là nướng chín chứ không phải là số 9. - khẩu súng còn đc gọi là cây súng.
<p>4. Hoạt động ứng dụng: (2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Cho HS tìm từ đồng âm trong hai câu sau: - Con <u>bò</u> sữa đang gặm cỏ. - Em bé đang <u>bò</u> ra chỗ mẹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (1 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng từ đồng âm. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Thứ sáu ngày 5 tháng 10 năm 2018

Tập làm văn

TRẢ BÀI VĂN TẢ CẢNH

I. MỤC TIÊU

30 Giáo viên:

Trường Tiểu học

1. **Kiến thức:** Biết rút kinh nghiệm khi viết bài văn tả cảnh (Vế ý, bố cục, dùng từ, đặt câu,...)

2. **Kĩ năng:** Nhận biết được lỗi trong bài và tự sửa được lỗi.

3. **Thái độ:** Yêu thích văn tả cảnh.

4. **Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ

1. **Đồ dùng:**

- Giáo viên: Chấm bài, nhận xét, thống kê lỗi.

- Học sinh: Sách , vở.

2. **Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút

- Vấn đáp , quan sát, thảo luận nhóm, ...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Ổn định tổ chức - GV kiểm tra bảng thống kê : Bài tập 2(trang 9) - GV nhận xét bài làm của học sinh - Giới thiệu bài - Ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - HS chuẩn bị - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động thực hành: (27 phút)	
<p>* <i>Mục tiêu:</i> Biết rút kinh nghiệm khi viết bài văn tả cảnh (Vế ý, bố cục, dùng từ, đặt câu,...)</p> <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét bài làm của HS *<i>Ưu điểm:</i> - Nhìn chung học sinh hiểu đề viết được bài văn tả cơn mưa theo đúng yêu cầu của đề bài. + Bố cục, mở bài, thân bài, kết luận. - Diễn đạt khá trôi chảy, viết câu đúng ngữ pháp, xếp ý hợp logic. - Bài viết có sáng tạo biết sử dụng một số biện pháp nghệ thuật so sánh, dùng từ gọi tả âm thanh, hình ảnh để miêu tả. - Nhìn chung chữ viết khá rõ ràng, đẹp, trình bày khá khoa học. *<i>Nhược điểm:</i> - Một số bài viết dùng từ còn chưa chính xác - Trình bày chưa khoa học 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe

<ul style="list-style-type: none"> - Một vài em còn mắc nhiều lỗi chính tả - Chữ viết xấu, cầu thả. - GV viết bảng phụ lỗi phổ biến: + Lỗi dùng từ. - Tiếng mưa đập bùng bùng vào lá xoài - Mưa chảy bốn bề sân - Gió thổi càng xiết. - Con gà chạy tránh mưa. - Ánh nắng long lanh. + Lỗi chính tả Sai phụ âm chỗ chú đi chón. buổi chưa. đội suống - Yêu cầu học sinh viết lại một đoạn văn chưa hay ở trong bài. - GV nhận xét 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thảo luận nhóm 4, sửa lỗi sai: + Tiếng mưa đập bùng bùng vào tàu lá chuối. - Nước chảy lênh láng khắp sân. - Gió thổi càng mạnh. - Con gà ngật ngưỡng chạy tìm chỗ tránh mưa. - Ánh nắng le lói chiếu xuống mặt đất chỗ trú đi trốn buổi trưa đội xuống - Học sinh tự sửa lỗi trong vở bài tập. - Học sinh viết - Học sinh trình bày (3-4 em)
<p>3. Hoạt động ứng dụng:(3 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Nêu câu tạo của bài văn tả cảnh ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu
<p>4. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ một bức tranh mô tả bài văn của em. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Toán

MI-LI-MÉT VUÔNG . BẢNG ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết tên gọi, kí hiệu độ lớn của mi-li-mét vuông. Quan hệ giữa mm² và cm².

2. Kỹ năng: Biết tên gọi, kí hiệu, thứ tự, mối quan hệ của các đơn vị đo diện tích trong bảng đơn vị đo diện tích .

- HS cả lớp làm được bài 1, bài 2a (cột 1).

3. Thái độ: cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc

4. Năng lực:

- **Năng tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo,**

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- GV: SGK, bảng phụ, hình vẽ biểu diễn hình vuông có cạnh 1mm (SGK). ...
- HS : SGK, bảng con, vở...

2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

- Vấn đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành...
- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.
- Kĩ thuật trình bày một phút

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động dạy	Hoạt động học
1. Hoạt động khởi động: (3 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Ôn định tổ chức - Cho HS nhắc lại các đơn vị đo diện tích đã học - GV nhận xét - Giới thiệu bài - ghi bảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát - HS nêu - Học sinh lắng nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (20 phút)	
<p>* <i>Mục tiêu:</i> Biết tên gọi, kí hiệu độ lớn của mi-li-mét vuông. Quan hệ giữa mm^2 và cm^2.</p> <p>* <i>Cách tiến hành:</i></p>	
<p>* Giới thiệu đơn vị đo diện tích mm^2</p> <p>+ <i>Hình thành biểu tượng về mm^2</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu tên các đơn vị diện tích đã học? - Trong thực tế hay trong khoa học nhiều khi chúng ta cần đo diện tích rất bé mà dùng các đơn vị đo diện tích đã học chưa thuận tiện. Vì vậy, người ta dùng đơn vị đo nhỏ hơn là mm^2 - GV treo hình vẽ SGK. Hình vuông cạnh 1mm - Diện tích hình vuông đó là bao nhiêu ? - Tương tự như các đơn vị trước, mm^2 là gì? - Ký hiệu mi-li-mét vuông là như thế nào? - HS quan sát hình vẽ. Tính diện tích hình vuông có cạnh 1cm? - Diện tích hình vuông 1cm gấp bao nhiêu lần diện tích hình vuông có cạnh dài 1mm <p>Vậy $1\text{cm}^2 = ? \text{mm}^2$</p>	<ul style="list-style-type: none"> - cm^2; dm^2; m^2; dam^2; hm^2; km^2 - Học sinh lắng nghe - Diện tích hình đó là: $1\text{mm} \times 1\text{mm} = 1\text{mm}^2$ - Diện tích một hình vuông có cạnh 1mm. - 1mm^2. - Diện tích hình vuông: $1\text{cm} \times 1\text{cm} = 1\text{cm}^2$. - Gấp 100 lần. <p>$1\text{cm}^2 = 100\text{mm}^2$</p>

<p>$1\text{mm}^2 = ? \text{cm}^2$</p> <p><i>* Bảng đo đơn vị diện tích</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bảng phụ kẻ sẵn phần bảng. - Gọi học sinh nêu tên các đơn vị đo diện tích bé đến lớn (GV viết bảng kẻ sẵn tên đơn vị đo diện tích) $\left. \begin{array}{l} 1\text{m}^2 = ? \text{dm}^2 \\ 1\text{m}^2 = \frac{1}{?} \text{dam}^2 \end{array} \right\} \text{ Gv ghi vào cột}$ <ul style="list-style-type: none"> - Tương tự học sinh làm các cột còn lại - GV kiểm tra bảng đơn vị đo diện tích của học sinh trên bảng - Hai đơn vị đo diện tích liên kề nhau hơn kém nhau bao nhiêu lần ? 	<p>$1\text{mm}^2 = \frac{1}{100} \text{cm}^2$</p> <p>Học sinh nhắc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm vở, 1 HS làm bảng - Hơn kém nhau 100 lần.
<p>3. Hoạt động thực hành: (15 phút)</p> <p><i>*Mục tiêu:</i> - Biết tên gọi, kí hiệu, thứ tự, mối quan hệ của các đơn vị đo diện tích trong bảng đơn vị đo diện tích .</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS cả lớp làm được bài 1, bài 2a (cột 1). <p><i>*Cách tiến hành:</i></p>	
<p>Bài 1: HĐ cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu a) GV viết các số đo diện tích yêu cầu học sinh đọc. b) GV đọc các số đo diện tích yêu cầu học sinh viết các số đo đó - GV nhận xét chữa bài <p>Bài 2a(cột 1): HĐ cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Hướng dẫn học sinh thực hành 2 phép đổi. + <u>Đổi từ đơn vị lớn ra đơn vị bé :</u> $7 \text{ hm}^2 = \dots \text{m}^2$ <ul style="list-style-type: none"> - Biết mỗi đơn vị diện tích ứng với 2 chữ số trong số đo diện tích. Khi đổi từ hm^2 ra m^2 , ta lần lượt đọc tên các đơn vị đo diện tích từ hm^2 đến m^2, mỗi lần đọc viết thêm 2 chữ số 0 vào sau số đo đã cho. Ta có : $7\text{hm}^2 = 7 \text{ 00 00}$ $\begin{array}{c} \text{hm}^2 \text{ dam}^2 \text{ m}^2 \\ \text{Vậy } 7\text{hm}^2 = 70000 \text{ m}^2 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS làm tiếp phần còn lại - GV chấm, nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Học sinh lần lượt đọc, viết theo cặp - Học sinh viết số đo diện tích vào vở và đổi vở để kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc - Học sinh theo dõi, thực hiện lại hướng dẫn của giáo viên + <u>Đổi từ đơn vị bé ra đơn vị lớn:</u> $90000\text{m}^2 = \dots \text{hm}^2$ <p>Tương tự như trên ta có :</p> $9 \text{ 00 00} = \dots \text{hm}^2$ $\begin{array}{c} \text{hm}^2 \text{ dam}^2 \text{ m}^2 \\ \text{Vậy } 90000\text{m}^2 = 9 \text{ hm}^2 \end{array}$ <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài

4. Hoạt động ứng dụng: (3 phút)	
- Cho HS vận dụng kiến thức làm các bài tập sau: 6 cm ² = mm ² 2 m ² = dam ² 6 dam ² = hm ² 4 hm ² = km ²	- HS làm bài 6 cm ² = 400 mm ² 2 m ² = 2/100 dam ² 6 dam ² = 6/100 hm ² 4 hm ² = 4/100 km ²

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

Đạo đức
CÓ CHÍ THÌ NÊN (tiết 1)

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Biết được một số biểu hiện cơ bản của người sống có ý chí.
- Kĩ năng:** Người có ý chí có thể vượt qua được những khó khăn trong cuộc sống.
- Thái độ:** Cảm phục và noi theo những tấm gương có ý chí vượt lên khó khăn để trở thành những người có ích trong gia đình và xã hội.

* **Bổ sung** : Phần Lòng ghép GDKNS :

- Kỹ năng tư duy phê phán (biết phê phán, đánh giá những quan niệm, những hành vi thiếu ý chí trong học tập và trong cuộc sống)
- Kỹ năng đặt mục tiêu vượt khó khăn vươn lên trong cuộc sống và trong học tập.
- Trình bày suy nghĩ, ý tưởng.

4. Năng lực: **Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác**

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Một số mẫu chuyện về những tấm gương vượt khó như Nguyễn Ngọc Kí. Nguyễn Đức Trung...

- Học sinh: SGK, vở

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
1. Hoạt động khởi động: (5 phút)	
- Cho HS hát - Yêu cầu HS nêu ghi nhớ của bài học trước - GV nhận xét - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - HS nêu - HS nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (28 phút)	
* Mục tiêu: - Biết được một số biểu hiện cơ bản của người sống có ý chí.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>- Người có ý chí có thể vượt qua được những khó khăn trong cuộc sống. * Cách tiến hành:</p>	
<p>* Hoạt động 1: HS tìm hiểu thông tin về tấm gương vượt khó của Trần Bảo Đồng. - Yêu cầu HS đọc thông tin về Trần Bảo Đồng trong SGK - Yêu cầu HS thảo luận cả lớp theo câu hỏi trong SGK. + <i>Trần Bảo Đồng đã gặp những khó khăn gì trong cuộc sống và trong học tập?</i> + <i>Trần Bảo Đồng đã vượt khó khăn để vươn lên như thế nào?</i> + <i>Em học tập được những gì từ tấm gương đó?</i> - KL: Từ tấm gương Trần Bảo Đồng ta thấy: Dù gặp phải hoàn cảnh rất khó khăn, nhưng nếu có quyết tâm cao và biết sắp xếp thời gian hợp lí thì vẫn có thể vừa học tốt vừa giúp được gia đình mọi việc. * Hoạt động 2: Xử lí tình huống - GV chia lớp thành nhóm 4. Mỗi nhóm thảo luận 1 tình huống + Tình huống 1: Đang học lớp 5, một tai nạn bất ngờ đã cướp đi của Khôi đôi chân khiến em không thể đi được. Trong hoàn cảnh đó, Khôi có thể sẽ như thế nào? + Tình huống 2: Nhà Thiên rất nghèo, vừa qua lại bị lũ lụt cuốn trôi hết nhà cửa đồ đạc. Theo em, trong hoàn cảnh đó, Thiên có thể làm gì để có thể tiếp tục đi học. - GV: Trong những tình huống trên, người ta có thể tuyệt vọng, chán nản, bỏ học... biết vượt qua mọi khó khăn để sống và tiếp tục học tập mới là người có chí. * Hoạt động 3: Làm bài tập 1-2 Trong SGK - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 - GV nêu lần lượt từng trường hợp, HS giơ thẻ màu thể hiện sự đánh giá của mình</p>	<p>- HS đọc SGK 1 HS đọc to cả lớp cùng nghe. - HS đọc câu hỏi trong SGK và trả lời - Nhà nghèo, đông anh em, cha hay đau ốm, hàng ngày còn phải giúp mẹ bán bán bánh mì. - Đồng đã sử dụng thời gian hợp lí và phương pháp học tập tốt. Nên suốt 12 năm học Đồng luôn luôn là học sinh giỏi. Đỗ thủ khoa, được nhận học bổng Nguyễn Thái Bình, - Em học tập được ở Đồng ý chí vượt khó trong học tập, phấn đấu vươn lên trong mọi hoàn cảnh . - Các nhóm thảo luận - Đại diện nhóm lên trình bày ý kiến của nhóm - Lớp nhận xét bổ sung. - HS thảo luận nhóm 2 - HS giơ thẻ theo quy ước</p>